TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thanh L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn V, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, biên bản hòa giải và xin vắng mặt ngày 13/7/2023 chị Đặng Thanh L trình bày: Chị và anh Lâm Văn V chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, anh V thường xuyên đi biển, mỗi chuyến đi khoảng 06 tháng mới vô, vợ chồng cảm thấy không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị và anh V có 02 người con tên Lâm Hồng T, sinh ngày 27/9/2007 và Lâm Ngọc T1, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải và xin vắng mặt ngày 13/7/2023, bị đơn anh Lâm Văn V trình bày*: Về hôn nhân: Anh và chị L sống chung với từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh đúng như chị L trình bày. Anh cảm thấy không thể ở được với nhau nên đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị L1; Về con chung: Thống nhất như trình bày của chị L1. Anh đồng ý giao các cháu Lâm Hồng T và Lâm Ngọc T1 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ: Thống nhất như trình bày của chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn anh Lâm Văn V có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đặng Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lâm Văn V tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh V là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị L và anh V xin vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thanh L và anh Lâm Văn V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị và anh không đăng ký kết hôn theo luật định. Chị L và anh V không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã sống ly thân hơn 06 tháng nay.

Xét, mâu thuẫn giữa chị L và anh V là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung*: Chị Lan và anh Vui có 02 người con chung tên Lâm Hồng T, sinh ngày 27/9/2007 và Lâm Ngọc T1, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của các con.

Xét, con chung tên Lâm Hồng T và Lâm Ngọc T1. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị L, từ khi chị và anh V sống ly thân đến nay các cháu sống cùng với chị L, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao các cháu Lâm Hồng T và Lâm Ngọc T1 cho chị Đặng Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với đơn trình bày nguyện vọng của các cháu T và T1 ngày 16/6/2023). Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng:* Chị L và anh V không đặc ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị L và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thanh L và anh Lâm Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Lâm Hồng T, sinh ngày 27/9/2007(Giới tính: Nữ) và Lâm Ngọc T1, sinh ngày 02/8/2014 (Giới tính: Nữ) cho chị Đặng Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lâm Văn V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Đặng Thanh L phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 09/6/2023 chị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006859 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công